|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường THCS Quang Trung **Tổ Khoa học tự nhiên** |  | Họ và tên giáo viên: Đỗ Thị Thu |
| Tuần: 19 *Tiết theo ppct: 74-76* |  |  |

**BÀI 19 - ĐA DẠNG THỰC VẬT**

**Môn: Khoa học tự nhiên 6 - Lớp: 6A**

*( Thời gian thực hiện: 03 tiết)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Ngày soạn: 17/01/2023* | *Dạy* | *Ngày* | *27/01/2023* |
| *Tiết* | *2 - 3* |
| *Ngày* | *31/01/2023* |
| *Tiết* | *2* |

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Kể tên và nêu được đặc điểm phân chia các nhóm Thực vật.

- Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch dẫn (Rêu); Thực vật có mạch dẫn và không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và không có hoa (Hạt trần); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và có hoa (Hạt kín).

- Nêu được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật.

- Xác định được thực vật có ở môi trường xung quanh và xếp được chúng vào các nhóm tương ứng.

- Đề xuất được cách thức chăm sóc thực vật dựa trên hiểu biết về đặc điểm của chúng để giúp cây trồng phát triển tốt.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

-Năng lực tự chủ và tự học: đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, chủ động theo dõi sự hướng dẫn của GV, chủ động trao đổi ý kiến với bạn để xác định rõ yêu cầu, các nhiệm vụ, cách thức thực hiện các hoạt động học tập, chủ động thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và của nhóm.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ học tập; trao đổi kết quả quan sát, rút ra nhận xét và hoàn thiện phiếu học tập.

-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tăng cường quan sát thế giới Thực vật trong tự nhiên và xếp được chúng vào các nhóm tương ứng; dựa trên đặc điểm của các nhóm Thực vật chủ động và có các biện pháp trồng và chăm sóc hợp lí Thực vật.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

-Nhận thức khoa học tự nhiên: nhận biết, trình bày và phân biệt được đặc điểm cơ bản của các nhóm Thực vật; nhận xét nêu được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật.

-Tìm hiểu tự nhiên: thực hiện quan sát một số đại diện điển hình của các nhóm Thực vật; ghi chép lại kết quả quan sát, trình bày và phân tích được kết quả quan sát; quan sát, tìm hiểu, nhận dạng và xếp nhóm các đại diện Thực vật ở địa phương, xung quanh HS.

-Vận dụng kiến thức: tăng cường quan sát, nhận dạng thực vật trong tự nhiên và xếp được chúng vào các nhóm Thực vật tương ứng; chủ động và có các biện pháp trồng và chăm sóc hợp lí Thực vật dựa trên hiểu biết về đặc điểm sinh học của chúng.

**3. Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.

-Trung thực, cẩn thận khi quan sát mẫu vật.

-Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.

- Yêu quý Thực vật, tích cực, chủ động bảo vệ môi trường sống của Thực vật, trồng và chăm sóc hợp lí cây xanh.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Tivi, máy tính, bài giảng powerpoint.

- Hình ảnh và video liên quan.

- Mẫu vật: rêu tường, cây dương xỉ, đoạn cành lá thông, nón thông, cây có hoa (rau cải, hoa hồng,…- tùy điều kiện ở địa phương để sưu tầm mẫu vật).

- Kính lúp, khay đựng mẫu vật.

- Phiếu học tập, giấy A5 (nhiều), bút dạ.

- HS: Tài liệu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định nội dung, nhiệm vụ bài học: Tìm hiểu về sự đa dạng của Thực vật thông qua các nhóm Thực vật.**

**a. Mục tiêu:** -Tạo hứng thú, xác định được các nhiệm vụ, nội dung cơ bản sẽ tìm hiểu trong bài học.

**b. Nội dung:** - HS dựa vào hiểu biết hiện có, tham gia trò chơi, kể tên các loài Thực vật, đưa ra cách phân chia thực vật thành các nhóm và nêu rõ cơ sở phân chia (theo quan điểm của HS).

**c. Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

- HS kể tên được các đại diện thực vật (cây phượng, cây rêu,…) tùy theo ý kiến của cá nhân.

- Phân loại thực vật thành các nhóm có đặc điểm giống nhau và nêu cơ sở phân chia (tùy theo ý kiến của HS):

+ Theo môi trường sống: thực vật ở nước, thực vật trên cạn.

+ Theo kích thước cơ thể: lớn, trung bình, nhỏ,…

+ Theo công dụng: cây ăn quả, cây dược liệu,…

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh nhất, ai đúng nhất?”

+ Hãy viết tên các đại diện thực vật vào giấy mà em biết, mỗi đại diện ghi trên 1 tờ giấy A5 (2 phút).

+ Phân loại thực vật thành các nhóm và nêu cơ sở phân chia.

+ Dán các giấy ghi tên đại diện thực vật vừa kể được vào các nhóm tương ứng.

+ Kiểm tra, chỉnh sửa kết quả.

- HS liên hệ thực tế, dựa vào vốn hiểu biết tham gia trò chơi, nêu rõ quan điểm phân chia các nhóm thực vật.

- Báo cáo, thảo luận: xác định đúng các ví dụ thuộc thực vật và xếp được các đại diện thực vật kể tên vào các nhóm theo cách phân chia của HS.

- GV ghi lại ý kiến của HS → xuất hiện mâu thuẫn: có quá nhiều cách phân chia các nhóm thực vật, có những đại diện không chỉ thuộc 1 nhóm mà còn thuộc nhiều nhóm dựa trên cách phân chia của HS → dẫn dắt để HS quan tâm tới cách phân chia dựa theo đặc điểm: có mạch dẫn hoặc không có mạch dẫn; có hạt hoặc không có hạt; có hoa hoặc không có hoa → tìm hiểu đa dạng thực vật thông qua các nhóm thực vật.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Xác định tên gọi của các nhóm thực vật và đặc điểm phân chia**

**a. Mục tiêu:**

- Kể tên và nêu được đặc điểm phân chia các nhóm Thực vật.

**b. Nội dung:**

- HS quan sát hình 19.1. Các nhóm Thực vật, nêu tên các nhóm thực vật và đặc điểm phân chia.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS, dự kiến:

+ Các nhóm TV: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.

+ Đặc điểm phân chia: có hay không có mạch dẫn, có hạt hay không có hạt, có hoa hay không có hoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện cá nhân:

+ Quan sát hình 19.1. Các nhóm Thực vật, trả lờ câu hỏi: Nêu tên các nhóm thực vật và đặc điểm phân chia.

-HS thực hiện nhiệm vụ.

-Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS nêu ý kiến, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Kết luận: + GV nhấn mạnh các nhóm TV và đặc điểm phân chia.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu đặc điểm của các nhóm Thực vật**

**a) Mục tiêu:**- Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch dẫn (Rêu); Thực vật có mạch dẫn và không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và không có hoa (Hạt trần); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và có hoa (Hạt kín).

- Nêu được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật.

**b) Nội dung:** - HS quan sát hình ảnh: rêu- cây rêu, cây dương xỉ, thông- rừng thông, nón thông, một số đại diện Hạt trần (vạn tuế, trắc bách diệp,…), đại diện cây có hoa (cây bưởi, hoa hồng, bèo tấm,…), thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng sau trong Phiếu học tập:

**Bảng: Đặc điểm các nhóm Thực vật**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Rêu** | **Dương xỉ** | **Hạt trần** | **Hạt kín** |
| **Môi trường sống** |  |  |  |  |
| **Đặc điểm cấu tạo và sinh sản** |  |  |  |  |
| **Đại diện** |  |  |  |  |

**c) Sản phẩm:**

- Ý kiến của nhóm thể hiện trong PHT và câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

-GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm 4HS, quan sát hình ảnh đại diện một số nhóm Thực vật, **hoàn thiện Phiếu học tập (bảng: Đặc điểm của các nhóm Thực vật)- 10 phút.**

-HS quan sát hình ảnh, khai thác thông tin SGK, thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thiện bảng trong PHT.

-Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm nêu ý kiến, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

→ GV y.c HS: **Nêu rõ đặc điểm phân biệt các nhóm Thực vật từ đó thấy được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật từ Rêu --- Dương xỉ --- Hạt trần --- Hạt kín.**

→ GV y.c quan sát kĩ hình ảnh cơ quan sinh sản của cây Hạt trần, cây Hạt kín: **Vì sao gọi là cây Hạt trần, cây Hạt kín? Cây Hạt kín tiến hóa hơn hay cây Hạt trần tiến hóa hơn? Vì sao?**

- HS dựa vào kết quả hoạt động nhóm, quan sát kĩ hình CQSS của cây Hạt trần, cây Hạt kín trả lời câu hỏi.

→ Kết luận: + GV chuẩn đáp án PHT:

**Bảng: Đặc điểm các nhóm Thực vật**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Rêu** | **Dương xỉ** | **Hạt trần** | **Hạt kín** |
| **Môi trường sống** | Nơi ẩm ướt, thường mọc thành từng đám. | Ưa ẩm, râm mát. | Nhiều nơi (đb nơi có khí hậu mát mẻ, vùng ôn đới). | Nhiều nơi. |
| **Đặc điểm cấu tạo và sinh sản** | Nhỏ bé, không có mạch dẫn, có thân và lá, rễ giả, không có hạt, không có hoa.  - Sinh sản bằng bào tử. | Có mạch dẫn, có thân, lá và rễ thật, không có hạt, không có hoa.  - Sinh sản bằng bào tử. | Có mạch dẫn, có thân, lá và rễ thật, có hạt, không có hoa (nón là CQSS).  - Sinh sản bằng hạt (Hạt nằm lộ trên các lá noãn hở). | Có mạch dẫn, có hạt, có hoa. Hạt được bao kín trong quả.  - Sinh sản bằng hạt (Hạt nằm trong quả). |
| **Đại diện** | Cây rêu tường | Cây dương xỉ, rau bợ, bèo vẩy ốc,… | Thông hai lá, trắc bách diệp,… | Cây hoa hồng, phượng vĩ,… |

+ GV nhấn mạnh: Mỗi nhóm TV có đặc điểm riêng. Các nhóm thực vật được sắp xếp theo chiều hướng tiến hóa, hoàn thiện về tổ chức cơ thể: Từ Rêu--- Dương xỉ--- Hạt trần--- Hạt kín. Thực vật Hạt kín là tiến hóa nhất nên rất phổ biến trên Trái đất, thích nghi được với các môi trường sống khác nhau.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Phát triển được năng lực tự học, hệ thống, tổng kết, vận dụng kiến thức bài học, tự đánh giá, hoàn thiện bài tập.

**b. Nội dung:** HS tổng hợp, vận dụng kiến thức bài học:

**+** Tiến hành sắp xếp các đại diện Thực vật kể được từ hoạt động trò chơi khởi động vào các nhóm Thực vật đã học và giải thích.

**+** Hoàn thiện bảng 19.1:Nêu sự giống nhau và khác nhau giữa thực vật Hạt trần với thực vật Hạt kín.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, dự kiến:

**+** HS sắp xếp lại chính xác các Thực vật đã kể tên được vào các nhóm Thực vật vừa được học và giải thích.

**+** Đáp án bảng 19.1:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | | | **Thực vật Hạt trần** | | **Thực vật Hạt kín** | |
| **Cơ quan sinh dưỡng** | **Rễ** | Có | | Có | |
| **Thân** | Có | | Có | |
| **Lá** | Có | | Có | |
| **Cơ quan sinh sản** | **Nón** | Có | | Không | |
| **Hoa** | Không | | Có | |
| **Quả** | Không | | Có | |
| **Hạt** | Có | | Có | |

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV y.c HS dựa vào kiến thức đã học:

+ Tiến hành sắp xếp các đại diện Thực vật kể được từ hoạt động trò chơi khởi động vào các nhóm Thực vật đã học và giải thích.

**+** Hoàn thiện bảng 19.1:Nêu sự giống nhau và khác nhau giữa thực vật Hạt trần với thực vật Hạt kín.

- HS vận dụng kiến thức bài học, thực hiện sắp xếp lại chính xác các thực vật vào các nhóm, nêu ý kiến giải thích và hoàn thiện bảng 19.1.

- Báo cáo: Đại diện HS nêu ý kiến, HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV+ HS: nhận xét, đánh giá kết quả, chuẩn đáp án.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học, vận dụng kiến thức bài học, tăng cường quan sát thực vật trong tự nhiên và thực hành phân nhóm Thực vật, đề xuất được cách chăm sóc dựa vào hiểu biết về đặc điểm của các nhóm Thực vật.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân liên hệ kiến thức bài học, quan sát và giới thiệu được một số Thực vật ở xung quanh em, thực hành phân chia chúng vào các nhóm, đề xuất được những lưu ý trong việc chăm sóc để cây phát triển khỏe mạnh.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS theo cấu trúc:

**+** Đại diện cây gì…? Đặc điểm môi trường sống…? Cây này được xếp vào nhóm Thực vật nào…? Cách chăm sóc cần lưu ý những gì…?

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: liên hệ kiến thức bài học, quan sát và giới thiệu được một số Thực vật ở xung quanh em, thực hành phân chia chúng vào các nhóm, đề xuất được những lưu ý trong việc chăm sóc để cây phát triển khỏe mạnh (Đại diện cây gì…? Đặc điểm môi trường sống…? Cây này được xếp vào nhóm Thực vật nào…? Cách chăm sóc cần lưu ý những gì…?)

- HS vận dụng kiến thức bài học, trả lời câu hỏi; nhận xét, bổ sung ý kiến của bạn.

- GV+ HS: nhận xét, phân tích, đánh giá câu trả lời của HS, rút kinh nghiệm.

\* Hướng dẫn về nhà:

- Làm các bài tập trong vở bài tập.

- Tìm hiểu vai trò của thực vật trong đời sống.